| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH LẠNG SƠN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số:1093 /QĐ-UBND | *Lạng Sơn, ngày 17 tháng 7 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Văn Quan

## CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển, giao chủ đầu tư dự án thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và dự kiến danh mục dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 tỉnh Lạng Sơn.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 91/TTr-SXD ngày 13/7/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Văn Quan như sau:

1. Tên công trình: Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Văn Quan.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư: đầu tư cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy của nhà trường cũng như góp phần hoàn thiện các tiêu chí trở thành trường chuẩn quốc gia.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng: đầu tư xây dựng mới các hạng mục sau: nhà lớp học cao 02 tầng, diện tích xây dựng 362,2m$^2$, tổng diện tích sàn 723m$^2$; nhà ở nội trú cao 02 tầng, diện tích xây dựng 365m$^2$, tổng diện tích sàn 753m$^2$; sân bê tông diện tích 317m$^2$.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Thành Nam.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

6.1. Địa điểm xây dựng: trong khuôn viên khu đất Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Văn Quan đang quản lý, sử dụng tại thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan.

6.2. Diện tích sử dụng đất: 7.665,8m$^2$.

7. Loại, nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án: dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng nhóm C; loại công trình dân dụng, cấp III.

8. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- QCXDVN 05:2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe.

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- QCVN 02:2021/BXD Quy chuẩn quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5573-2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 2737-1995 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 6477:2016 Gạch bê tông.

- TCVN 9377-2:2012 và TCVN 9377-3:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng, thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9366-2:2012 Cửa đi, cửa sổ - Cửa kim loại.

- TCVN 9404:2012 Sơn xây dựng - Phân loại.

- TCVN 8264:2009 Gạch ốp lát - Quy phạm thi công và nghiệm thu.

- TCVN 1651-1:2018 Phần 1: Thép thanh tròn trơn.

- TCVN 1651-2:2018 Phần 2: Thép thanh vằn.

- TCVN 4314:2022 Vữa xây dựng.

- TCVN 9361-2012 Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 4085:2011 Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9207:2012 Đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7114:2008 Chiếu sáng cho hệ thống làm việc trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5687:2010 Thông gió, điều tiết không khí - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 3890:2023 Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí.

- TCVN 2622:1995 Phòng chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.

9. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

9.1. Thiết kế tổng mặt bằng

- Trên khuôn viên khu đất Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Văn Quan, diện tích 7.665,8$m^2$ đã có công trình hiện trạng trên mặt bằng (gồm: nhà lớp học, cao 03 tầng, diện tích xây dựng 335$m^2$ tại vị trí phía Đông Nam khu đất; nhà hành chính, cao 02 tầng, diện tích xây dựng 216$m^2$ tại vị trí phía Đông khu đất; nhà đa năng, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 445$m^2$ tại vị trí phía trung tâm khu đất; nhà ở nội trú học sinh, cao 03 tầng, diện tích xây dựng 355$m^2$ tại vị trí phía Tây Nam khu đất; nhà bếp, nhà ăn, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 336$m^2$ tại vị trí phía Tây khu đất; nhà phụ trợ, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 140$m^2$ tại vị trí phía Nam khu đất; nhà kho, trạm bơm, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 30$m^2$ tại vị trí phía Nam khu đất; nhà bảo vệ, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 20$m^2$, tại phía Bắc khu đất; nhà để xe, diện tích 160$m^2$ tại vị trí phía Đông Bắc khu đất), đầu tư xây dựng mới các công trình, hạng mục công trình:

+ Công trình nhà 4 phòng học, cao 02 tầng bố trí phía sau nhà đa năng đã có, vuông góc với nhà lớp học (cao 03 tầng) đã có, kết nối với nhà lớp học (cao 03 tầng) và nhà hành chính (cao 02 tầng) đã có tạo thành hình chữ U, mặt đứng chính hướng Đông Bắc.

+ Công trình nhà 10 phòng ở học sinh nội trú, cao 02 tầng bố trí tại góc phía Đông Nam của khu đất, phía sau nhà lớp học đã có, song song và cách nhà lớp học (03 tầng) đã có 3,3m, mặt đứng chính hướng Tây Bắc.

+ Sân bê tông, bố trí tại phía trước công trình nhà 10 phòng ở học sinh nội trú cao 02 tầng.

+ Tường chắn đất (gồm 02 đoạn): đoạn 1, dài 5,6m bố trí phía đầu hồi nhà lớp học; đoạn 2, dài 20m, được bố trí tại phía Tây Bắc của nhà 10 phòng ở học sinh nội trú.

+ Rãnh thoát nước bố trí phía trước nhà 4 lớp học.

- Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc khu đất đạt được: mật độ xây dựng 32,8%; hệ số sử dụng đất 0,6 lần; số tầng cao: 03 tầng.

9.2. Giải pháp thiết kế xây dựng

a) Công trình nhà 4 phòng học:

- Thiết kế kiến trúc: nhà cao 02 tầng, kích thước theo tim tường (23,7x9,6)m, mặt bằng hình chữ nhật, chiều cao tôn nền 0,45m so với mặt sân, chiều cao các tầng 3,6m, chiều cao mái 2,7m, chiều cao nhà 10,35m. Hành lang phía trước rộng 2,4m, giao thông trong nhà theo phương đứng gồm 01 cầu thang bộ đặt tại vị trí trục (B-C):(4-5), kích thước ô cầu thang (4,2x7,2)m. Bước gian rộng 7,2m; bước cột rộng 3,9m. Mái dốc lợp tôn dày 0,4m.

- Thiết kế kết cấu: móng sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 200 kết hợp với móng xây bằng gạch không nung bằng vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200. Toàn bộ hệ khung chịu lực gồm cột, dầm, sàn, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200, sàn mái dày 10cm, kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép dập U(100x40x2)mm gác lên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền nhà, hành lang và sàn các tầng lát gạch granite kích thước (50x50)cm, chân tường trong phòng ốp gạch granite kích thước (50x10)cm. Tường, cột, dầm trát bằng vữa xi măng cát mác 50, trần trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm. Đường dốc cho người khuyết tật, bậc cầu thang, bậc tam cấp láng granitô; cửa đi, cửa sổ, vách kính bằng thép sơn tĩnh điện, kính dán trắng dày 5mm, hoa sắt cửa sổ bằng thép vuông đặc (12x12)mm. Trong và ngoài nhà lăn sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.

- Thiết kế cấp điện: nguồn điện được lấy từ tủ điện tổng của nhà trường cấp đến tủ điện tổng đặt tại tầng 1 bằng dây cáp loại CU/XLPE/PVC (2x6)$mm^2$; từ tủ điện tổng dùng dây PVC (2x4)$mm^2$ đi ngầm đến tủ điện phòng; từ tủ phòng đến các ổ cắm dùng dây PVC (2x2,5)$mm^2$, đến các thiết bị chiếu sáng và quạt dùng dây PVC (2x1,5)$mm^2$. Chiếu sáng các phòng bằng đèn tuyp đôi dài 1,2m, chiếu sáng hành lang bằng bóng đèn ốp trần 12w; thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m công suất 80w.

- Thiết kế chống sét: sử dụng kim thu sét bằng thép tròn đường kính d=18mm dài 1,0m đặt trên đỉnh mái công trình; dây hàn nối các đầu xà gồ, dây dẫn sét dùng thép tròn, đường kính d=10mm; bãi cọc tiếp địa cách công trình 3m, khoảng cách giữa các cọc là 3m; cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m; hàn nối các cọc tiếp địa bằng thép tròn đường kính d=20mm; điện trở nối đất Rnđ $\leq 10\Omega$.

- Thiết kế thoát nước: nước mưa từ mái chảy xuống sê nô và được thu bởi đường ống nhựa PVC đường kính d=90m dẫn xuống rãnh thoát nước xung

quang nhà. Từ rãnh thoát nước xung quanh nhà nước được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí các tủ chứa bình chữa cháy bằng thép, kích thước mỗi tủ (600x800)mm, mỗi tủ chứa 02 bình chữa cháy loại MFZL4-ABC và 02 bình khí MT3 tại vị trí hàng lang các tầng, kết hợp nội quy, tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy đồng bộ.

b) Công trình nhà 10 phòng ở học sinh nội trú:

- Thiết kế kiến trúc: nhà cao 02 tầng, kích thước tim tường (32,4x8,1)m, mặt bằng hình chữ nhật, chiều cao tôn nền 0,45m so với mặt sân, chiều cao các tầng 3,6m, chiều cao mái 2,4m, chiều cao nhà 10,05m. Hành lang phía trước rộng 2,4m. Giao thông trong nhà theo phương đứng gồm 02 cầu thang bộ tại vị trí trục (B-C):(2-3) và trục (B-C):(9-10), kích thước ô cầu thang (3,6x5,7)m. Bước gian rộng 5,7m; bước cột rộng 3,6m, mái dốc lợp tôn dày 0,4m. Phòng ở học sinh được thiết kế cho 04 học sinh gồm nhà vệ sinh kích thước (1,8x2,85)m và sân phơi kích thước (1,8x2,85)m. Đường dốc dành cho người khuyết tật bố trí đầu hồi bên phải nhà, kích thước (4,5x2,4)m.

- Thiết kế kết cấu: móng sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 200 kết hợp với móng xây gạch không nung bằng vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200. Toàn bộ hệ khung chịu lực gồm cột, dầm, sàn tầng 2, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200, bê tông sàn dày 10cm. kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép dập U(100x40x2)mm gác lên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền nhà lát gạch granite kích thước (50x50)cm, chân tường trong phòng ốp gạch granite kích thước (50x10)cm, nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (30x30)cm, tường khu vệ sinh ốp gạch men trắng kích thước (30x60)cm cao 1,8m. Tường, cột, dầm trát bằng vữa xi măng cát mác 50, trần trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm. Đường dốc cho người khuyết tật, bậc cầu thang, bậc tam cấp láng granitô; cửa đi, cửa sổ, vách kính bằng thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm, hoa sắt cửa sổ bằng thép vuông đặc (12x12)mm. Trong và ngoài nhà lăn sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện được lấy từ tủ điện tổng của nhà trường cấp đến tủ điện tổng đặt tại tầng 1 bằng dây cáp loại CU/XLPE/PVC (2x25)$mm^2$; từ tủ điện tổng đến tủ điện tầng 2 dùng dây cáp loại CU/XLPE/PVC (2x16)$mm^2$; từ tủ điện tầng dùng dây PVC (2x4)$mm^2$ đi ngầm đến tủ điện phòng, dùng dây (2x6)$mm^2$ và (2x4)$mm^2$ đi ngầm đến bình nóng lạnh đặt tại các khu vệ sinh; từ tủ phòng đến các ổ cắm dùng dây PVC (2x2,5)$mm^2$, đến các thiết bị chiếu sáng và quạt dùng dây PVC (2x1,5)$mm^2$. Chiếu sáng các phòng bằng đèn tuyp đôi dài 1,2m, chiếu sáng hành lang bằng bóng đèn ốp trần 12w; thông gió nhân tạo dùng quạt trần đảo công suất 46w.

- Thiết kế chống sét: sử dụng kim thu sét bằng thép tròn đường kính d=18mm dài 1,0m đặt trên đỉnh mái công trình; dây hàn nối các đầu xà gồ, dây dẫn sét dùng thép tròn, đường kính d=10mm; cọc tiếp địa các công trình 3m, khoảng cách giữa các cọc tiếp địa là 3m, cọc tiếp địa sử dụng thép hình

L(63x63x6)mm dài 2,5m; hàn nối các cọc tiếp địa bằng thép tròn đường kính d=20mm; điện trở nối đất Rnđ ≤ 10Ω.

+ Giải pháp cấp nước: nguồn nước cấp cho công trình lấy từ bể chứa nước hiện trạng (dung tích 60$m^3$); từ bể chứa nước dùng bơm (Q=4-10$m^3$/h, H=36m) bơm lên 04 téc chứa nước đặt trên sàn mái bằng ống nhựa PP-R d=25mm; từ téc chứa nước cấp xuống cho các thiết bị vệ sinh bằng ống nhựa đường kính d=50mm, d=32mm, d=25mm; hệ thống đường ống và phụ kiện sử dụng ống nhựa hàn nhiệt PP-R đi ngầm trong tường.

- Thiết kế thoát nước:

+ Nước mưa từ mái chảy theo đường ống nhựa PVC đường kính d=90m dẫn xuống rãnh thoát nước phía trước nhà hiện trạng. Từ rãnh thoát nước xung quanh nhà nước được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước thu sàn, nước từ các lavabo nhà vệ sinh được thoát ra rãnh thoát hiện trạng phía trước nhà bằng ống nhựa PVC d=90mm. Nước xí, tiểu được thu bằng ống nhựa PVC d=110mm vào bể tự hoại hiện trạng, sau khi được xử lý sẽ thoát ra rãnh thoát nước hiện trạng phía trước nhà rồi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí các tủ chứa bình chữa cháy bằng thép, kích thước mỗi tủ (600x800)mm, mỗi tủ chứa 02 bình chữa cháy loại MFZL4-ABC và 02 bình khí MT3 tại vị trí hàng lang các tầng, kết hợp nội quy, tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy đồng bộ.

c) Tường chắn đất, sân bê tông, rãnh thoát nước

- Tường chắn đất: móng và thân tường xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; móng kích (0,33x0,22)m cao 0,21m, tường chắn đất cao 0,99m dày 0,22m.

- Sân bê tông (diện tích 220$m^2$): kết cấu từ trên xuống dưới gồm lớp bê tông xi măng mác 150 dày 10cm; ni lông chống thấm, lớp cát đen tạo phẳng dày 3cm trên nền đất tự nhiên, cách 4m cắt khe co sâu 3cm, chèn khe bằng nhựa đường nóng.

- Rãnh thoát nước: kích thước trong lòng rãnh (250x250)mm; đáy rãnh bằng bê tông mác 150, dày 10cm; thành rãnh xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50, trát thành rãnh bằng vữa xi măng cát mác 75; nắp rãnh bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200 dày 8cm.

10. Dự toán xây dựng công trình: 6.780.000.000 đồng.

| | | |
|---|---|---|
| - Chi phí xây dựng | 5.598.451.000 | đồng; |
| - Chi phí QLDA | 192.923.000 | đồng; |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD | 622.087.000 | đồng; |
| - Chi phí khác | 76.109.000 | đồng; |
| - Chi phí dự phòng | 290.430.000 | đồng. |

11. Thời gian thực hiện dự án: năm 2023-2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: thuê tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Văn Quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

**Dương Xuân Huyên**